

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Kim Cương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lữ Văn Công;
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Huệ Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Hoài Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2024/TLST-HN, ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1995; (Có mặt)
  2. *Bị đơn:* Anh Chế Văn S, sinh năm 1995; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Cùng trú tại: ấp A, xã B, thành phố N, tỉnh Hậu Giang;

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Chị và anh S quen biết và tự nguyện kết hôn năm 2016, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài ngày một trầm trọng dẫn đến chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng

đã không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn Chế Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung tên là Chế Phương Bảo H (nữ), sinh ngày 16/01/2020. Con chung hiện nay đang sống chung với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Chế Văn S trình bày:

Anh và chị D quen biết và tự nguyện kết hôn năm 2016, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài ngày một trầm trọng dẫn đến anh và chị D đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung tên là Chế Phương Bảo H(nữ), sinh ngày 16/01/2020. Con chung hiện nay đang sống chung với chị D, nay anh cũng đồng ý để chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc gia đình nên anh có đơn xin được xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn Trần Thị D được ly hôn với bị đơn Chế Văn S. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Chế Phương Bảo H(nữ), sinh ngày 16/01/2020 cho đến khi trưởng thành, chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh S quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian rồi đi đến hôn nhân. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc; nhưng từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do xuất phát từ việc tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày một trầm trọng nên nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Hiện nay chị D và anh S mỗi người có một cuộc sống riêng. Nhận thấy chị D và anh S đã không sống chung trong một thời gian, anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị D được ly hôn anh S theo quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên là Chế Phương Bảo H(nữ), sinh ngày 16/01/2020 hiện do nguyên đơn nuôi dưỡng, từ khi nguyên đơn và bị đơn ly thân đến nay con chung ở với nguyên đơn, cuộc sống của cháu đã ổn định. Mặt khác bị đơn cũng đồng ý giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Nhằm tránh gây xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung tên là Chế Phương Bảo H(nữ), sinh ngày 16/01/2020 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Chế Văn S không ai được quyền cản trở.

[4] Tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn chị Trần Thị D được ly hôn với bị đơn anh Chế Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Chế Phương Bảo H(nữ), sinh ngày 16/01/2020 cho nguyên đơn chị Trần Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung nên bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Chế Văn S không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị D phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005719 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TP. Ngã Bảy;
- CCTHA TP. Ngã Bảy;
- UBND xã Tân Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Kim Cương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lữ Văn Công**

**Nguyễn Văn Hải**

**Huỳnh Kim Cương**